

Bản án số: 04/2019/KDTM

Ngày 24/5/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Dũng

Bà Lê Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Ngọc Chúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/KDTM-PT ngày 10 tháng 4 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N

Địa chỉ: phường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Tấn P

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã t, huyện V, TP. Cần Thơ

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 02 năm 2018).

2. *Bị đơn:*

Huỳnh Thị H, Lương Văn N

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, TP. Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lương Văn T, Lương Kim C

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, TP. Cần Thơ.

Lương Thị Bé B, Phạm Thanh S

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, TP.Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị H và bà Lương Thị Bé B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 10/5/2012 bà H đại diện gia đình ký hợp đồng tín dụng số 1805 – LAV – 201201183 để vay tiền của Ngân hàng N chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ, số tiền 1.150.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), nhằm mục đích nuôi cá tra và phục vụ kinh tế gia đình; thời hạn vay là 12 tháng, tính từ ngày 10/5/2012 đến ngày 09/5/2013 trả dứt nợ; lãi suất vay 1,25%/tháng, lãi suất có điều chỉnh theo thời điểm (lãi suất quá hạn là 150% tương ứng với lãi suất tiền vay tại thời điểm quá hạn); 06 tháng đóng lãi 01 lần.

Để đảm bảo nợ vay, hộ bà Huỳnh Thị H đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 16.543m², đất tọa lạc tại ấp Tân Lập, xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ. Mục đích sử dụng là đất trồng lúa, các thửa đất số 78, 271, thuộc tờ bản đồ số 03, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00138 do UBND huyện Thốt Nốt cấp ngày 06/12/2000 cho hộ bà Huỳnh Thị H đại diện đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, hợp đồng tín dụng trên còn được bảo đảm bởi phần tài sản của ông Lương Văn N (chồng bà H). Tài sản thế chấp gồm: QSDĐ số CH00155, H00633, H00544 do UBND huyện Vĩnh Thạnh cấp ngày 15/02/2008 và ngày 14/11/2007, diện tích 284,25m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn; các thửa đất số 522, 500, 09, đất tọa lạc tại ấp Tân Lợi, xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

Bà Huỳnh Thị H đã trả được số tiền 350.000.000đ và Ngân hàng đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00155, H00544, diện tích 169,25m². Hiện tại phía dư nợ gốc là 800.000.000đ, tài sản bảo đảm thế chấp còn lại là 16.543m², đất lúa và 115m² đất ở nông thôn.

Do bà H và ông N không trả nợ cho Ngân hàng đúng theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận nên phía Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông N cũng có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 800.000.000đ và lãi tạm tính đến ngày 25/01/2018 là 497.220.556đ. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.297.220.556đ.

Nếu bà H và ông N chậm trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành tài sản thế chấp để ưu tiên thu hồi nợ.

Hiện tại thì Ngân hàng chỉ còn nhận thế chấp đảm bảo của bà H và ông N tại thửa số 78, 271 loại đất trồng lúa; thửa 522 loại đất T, thửa 522 có 01 căn nhà hiện do bà Bé B và anh S đang quản lý sử dụng.

Bị đơn: bà H, ông N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà Bé B, do bà H đại diện ủy quyền thống nhất trình bày:

Thống nhất về số nợ vay gốc theo hợp đồng tín dụng, về lãi suất, thời hạn cho vay, mục đích vay cũng như tài sản thế chấp cho Ngân hàng như nguyên đơn trình

bày là đúng. Trong quá trình vay thì bà H cũng đã trả gốc cho Ngân hàng được 350.000.000đ, như đại diện Ngân hàng trình bày.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà cũng đồng ý trả số tiền nợ gốc là 800.000.000đ và lãi cho nguyên đơn nhưng xin được trả dần mỗi năm 100.000.000đ nợ gốc cho đến khi dứt nợ và xin trả dần lãi quá hạn.

Đối với thửa 728, 721 hiện nay do bà và ông N đang quản lý, nhưng cho ông Nguyễn Công L (7 Sum) thuê, thuê hàng năm, đến tháng 8, 9/2018 thì mãn hợp đồng thuê. Đối với thửa 522 hiện có một căn nhà của Bé B là con của bà H và ông S đang quản lý sử dụng. Bà Bé B đã có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Toàn bộ hồ sơ thế chấp quyền sử dụng đất thì bà và ông N và các con bà là Bé B, T, C đều có ký tên vào hồ sơ thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Bé B trình bày:

Bà là con của bà H và ông N, căn nhà nằm trên phần đất thuộc thửa số 522, ấp Tân Lợi, xã Thanh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ là do bà và ông S đang ở. Nhà là do vợ chồng cùng góp vốn xây dựng trên phần đất cha mẹ ruột của bà cho xây dựng, việc cho ở này không làm giấy tờ gì. Căn nhà xây dựng vào năm 2008, 2009, không nhớ chính xác, cụ thể thời gian. Căn nhà trên xây dựng chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

Qua vụ kiện của Ngân hàng đối với ông N và bà H thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì, đối với căn nhà trên thửa 522, đất tọa lạc tại ấp Tân lợi, xã Thanh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ là tài sản của bà và ông S, nếu như có xử lý tài sản đảm bảo, bà yêu cầu được ưu tiên cho bà và ông S nhận mua lại vì căn nhà ở trên thửa 522 là của vợ chồng bà xây dựng và có trước khi xây và thế chấp để bảo đảm tiền vay Ngân hàng. Bà Bé B cũng thừa nhận có ký tên thế chấp toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo hợp đồng vay tiền của bà H và ông N. đối với tài sản khác đã thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền thì bà không ý kiến gì, đồng ý để xử lý theo qui định của pháp luật. Đề nghị được vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng tại tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nội dung khởi kiện và yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/10/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 1.361.753.889 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2018/KDTM-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N

Buộc Lương Văn N và bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền vay theo hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 30/10/2018, tổng cộng là 1.361.753.889 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn tám trăm tám mươi chín đồng). trong đó, nợ gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), lãi là 561.753.889đ (năm trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày 31/10/2018 nếu bị đơn chậm trả số tiền trên, thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất được giao kết trong hợp đồng tín dụng số 1805 – LAV – 201201183 ngày 10/5/2012 đã giao kết giữa nguyên đơn với bị đơn.

Xử lý tài sản đảm bảo: nếu bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 78, diện tích 8.444m²; thửa 721, diện tích 8.099m², thuộc tờ bản đồ số 2, loại đất LUC, đất do bà Huỳnh Thị H đại diện hộ đứng tên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000138, cấp ngày 06/12/2000, đất tọa lạc tại ấp Tân Lập, xã Thanh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ và thửa số 522 cùng tài sản gắn liền với đất trên thửa 522, diện tích 115m², loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 09, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00633, cấp ngày 14/11/2007, được chỉnh lý bổ sung có xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/02/2008, nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ về việc đăng ký nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn N và bà Huỳnh Thị H. Đất tọa lạc tại ấp Tân Lợi, xã Thanh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ để ưu tiên thu hồi nợ, dành quyền ưu tiên mua lại cho bà Lương Thị Bé B và ông Phạm Thanh S đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 522, tờ bản đồ 09 nêu trên, theo giá qui định.

(Tài sản đảm bảo thế chấp được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 24/5/2018).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo như sau:

Ngày 12/11/2018 bà Huỳnh Thị H có đơn kháng cáo đề ngày 10/11/2018 yêu cầu Ngân hàng giảm lãi và được trả dần số nợ mỗi năm là 200 triệu đồng.

Ngày 15/11/2018 Bà Lương Thị Bé B có đơn kháng cáo đề ngày 14/11/2018 kháng cáo không đồng ý phát mãi căn nhà trên thửa đất 522. Yêu cầu cho bà và ông Phạm Thanh S (chồng bà) được ưu tiên mua lại phần đất thửa 522 có căn nhà nếu bị phát mãi. Trong trường hợp bà không có khả năng mua thì yêu cầu trả giá trị căn nhà cho bà theo giá thị trường.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên;

Ngân hàng thống nhất căn nhà trên thửa đất 522 là của bà Bé B và ông S và đồng ý nếu có phát mãi căn nhà thì tiền phát mãi được trả lại cho bà Bé B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung giải quyết vụ án: Bà H kháng cáo yêu cầu được giảm lãi và xin trả dần hàng tháng là không có cơ sở bởi vì: tại Tòa hôm nay Ngân hàng cũng không đồng ý giảm lãi ngoài ra việc xin trả dần cũng không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Bé B cho rằng căn nhà trên thửa đất 522 là của vợ chồng bà xây cất. Căn cứ theo hợp đồng thế chấp thì không ghi nhận thế chấp căn nhà, qua các tài liệu trong hồ sơ chứng minh thì căn nhà thuộc sở hữu của bà Bé B và ông S. Tại Tòa hôm nay Ngân hàng cũng đồng ý nếu có phát mãi căn nhà thì tiền giá trị căn nhà đồng ý giao trả lại cho bà Bé B và ông S. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bé B sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị H, ông Lương Văn N và Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-201201183/HĐTD và phụ lục hợp đồng 1805-LAV-201201183 cùng ngày 10/5/2012 để vay tiền đầu tư nuôi cá tra và phục vụ kinh tế gia đình. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ vốn là lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Bé B kháng cáo. Sau khi xem xét nội dung kháng cáo của các đương sự Hội đồng xét xử nhận định: Bà Huỳnh Thị H, ông Lương Văn N ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và tính đến ngày 30/10/2018 thì bà H, ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền lãi và gốc tổng cộng 1.361.753.889 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận số nợ này và đồng ý phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp trong trường hợp không trả được nợ nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Bị đơn xin được giảm lãi và trả dần mỗi năm 200.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên cũng không chấp nhận yêu cầu này nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị Bé B, hiện tại toàn bộ tài sản thế chấp khoản nợ của bị đơn tại ngân hàng gồm các thửa đất 78, diện tích 8.444m², thửa 721, diện tích 8.099m² và thửa 522 diện tích 115m² (đất ở tại nông thôn) trên đó có căn nhà cấp 04, vách tường, mái lợp tole, nền lát gạch men, có trần. Căn cứ hợp đồng thế chấp ngày số 361839758 ngày 30/6/2011 thể hiện thì chỉ có thế chấp các quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất. Căn cứ biên bản thẩm định ngày 24/5/2018 thì căn nhà cấp 04 nêu trên hiện nay bà Bé B đang quản lý. Theo lời trình bày của bà Bé B tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2018 thì căn nhà trên là nhà của bà và ông Phạm Thanh S (chồng bà) bỏ tiền ra xây dựng vào năm 2008, 2009. Tại các biên bản hòa giải, phiên tòa sơ thẩm (BL 53, 83) bà H luôn cho rằng căn nhà trên là của bà Bé B. Tại phiên hòa giải ngày 26/4/2018 nguyên đơn cũng cho rằng căn nhà cấp 04 bà Bé B đang quản lý sử dụng và có trước thời điểm vay và thế

chấp. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi lời trình bày là căn nhà cấp 04 thuộc tài sản thế chấp, được xây dựng sau thời điểm thế chấp nhưng nguyên đơn không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, có căn cứ xác định căn nhà trên là tài sản của vợ chồng bà Bé B, ông S.

[4] Theo quy định Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 và được cụ thể hóa tại khoản 2 Điều 325 Bộ luật dân sự 2015; và nội dung án lệ số 11/2017/AL ngày 14/12/2017 quy định cụ thể như sau: “... *Trường hợp bên thế chấp và bên nhận thế chấp thỏa thuận bên nhận thế chấp được bán tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích đất mà trên đất có nhà thuộc sở hữu của người khác không phải là người sử dụng đất thì cần dành cho chủ sở hữu nhà đó được quyền ưu tiên nếu họ có nhu cầu mua (nhận chuyển nhượng)*” trong trường hợp bà H, ông N không trả được nợ, Ngân hàng có quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất các thửa đất 78, diện tích 8.444m², thửa 721, diện tích 8.099m² và thửa 522 diện tích 115m² và ưu tiên cho bà Bé B, ông S được mua lại phần đất có căn nhà cấp 04 trên thửa đất 522. Đối với căn nhà là thuộc tài sản của bà Bé B và ông S, khi bà Bé B ông S có yêu cầu mua (nhận chuyển nhượng) lại phần đất 115m² thì được tiếp tục sử dụng căn nhà trên đất. Trong trường hợp Bé B, ông S không đồng ý nhận chuyển nhượng lại phần đất thì nguyên đơn có quyền đề nghị phát mãi luôn căn nhà và các thửa đất theo giá được định giá tại thời điểm phát mãi. Tiền phát mãi căn nhà được giao trả lại cho bà Bé B và ông S.

Cấp sơ thẩm xét xử tuyên phát mãi tài sản gắn liền với đất trên thửa 522 (là căn nhà) của bà Bé B và ông S là chưa đúng ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Bé B và ông S. Do đó Kháng cáo của bà Bé B là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 325 Bộ luật dân sự 2015, Án lệ số 11/2017/AL ngày 14/12/2017;

Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Sửa án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N

Buộc ông Lương Văn N và bà Huỳnh Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền vay theo hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 30/10/2018, tổng cộng là 1.361.753.889 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn tám trăm tám mươi chín đồng). trong đó, nợ gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), lãi là 561.753.889đ (năm trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày 31/10/2018 bà H, ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Nếu bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 78, diện tích 8.444m²; thửa 721, diện tích 8.099m², thuộc tờ bản đồ số 2, loại đất LUC, đất do bà Huỳnh Thị H đại diện hộ đứng tên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000138, cấp ngày 06/12/2000, đất tọa lạc tại ấp Tân Lập, xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ và thửa số 522 diện tích 115m², loại đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 09, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00633, cấp ngày 14/11/2007, được chỉnh lý bổ sung có xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/02/2008, nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ về việc đăng ký nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn N và bà Huỳnh Thị H. Đất tọa lạc tại ấp Tân Lợi, xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ để thu hồi nợ. Dành quyền ưu tiên cho bà Lương Thị Bé B và ông Phạm Thanh S mua (nhận chuyển nhượng) lại đối với phần đất 115m² trên đất có căn nhà cấp 04 vách tường, mái lợp tole, nền lát gạch men, có trần thuộc thửa 522, tờ bản đồ 09 nêu trên, theo giá được định giá tại thời điểm phát mãi để thi hành án. Trong trường hợp Bé B, ông S không đồng ý nhận chuyển nhượng lại phần đất thì nguyên đơn có quyền đề nghị phát mãi luôn căn nhà và các thửa đất theo giá được định giá tại thời điểm phát mãi. Tiền phát mãi căn nhà được giao trả lại cho bà Bé B và ông S.

(Tài sản đảm bảo thế chấp được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 24/5/2018).

Về chi phí thẩm định: Bị đơn bà H, ông N phải chịu 2.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng nên bà H, ông N phải hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bà Huỳnh Thị H, ông Lương Văn N phải chịu 52.852.617 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng n 52.852.617 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 009628 ngày 05/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh thành phố Cần Thơ.

Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải chịu 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 009886 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ, đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bà Lương Thị Bé B không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Bé B 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 009996 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H.Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS. H.Vĩnh Thạnh;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trí Dũng